

Bản án số: 94/2018/HS-ST
Ngày: 13 – 6 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Hồng

Bà Nguyễn Thị Túy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/11/1999 tại tỉnh Cà Mau;

Nơi cư trú: Xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L (đã chết); tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Hồng N, trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương, có mặt

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1997; trú tại: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Võ Thanh T, sinh năm 1991; trú tại: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lưu Tấn L, sinh năm 1994; trú tại: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1982; trú tại: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng:

1. Ông Võ Thanh Q, sinh năm 1988; trú tại: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Võ Văn H, sinh năm 1955; trú tại: Khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 17 tháng 9 năm 2017, Nguyễn Thị T được vợ chồng ông, bà Nguyễn Thị Thúy D và Võ Thanh T nhờ giữ con và trông coi nhà tại địa chỉ số 288/2 khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 7 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Thị T biết được trong nhà của bà Nguyễn Thị Thúy D có tài sản nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nguyễn Thị T đi xuống phía nhà bếp lấy một kim loại bên ngoài bọc vỏ nhựa màu đỏ trong thùng sắt dưới kệ bếp rồi đi đến phòng ngủ của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy D. Nguyễn Thị T mở cửa cánh cửa tủ quần áo bằng tôn không khóa, rồi dùng kim cắt khoen khóa của hộc tủ nhỏ bên dưới của tủ quần áo chiếm đoạt một dây chuyền vàng 24k có mặt hình trái tim trọng lượng 05 chỉ, một đôi bông tai bằng vàng 24k có hình hoa mai trọng lượng 02 chỉ, một chiếc lắc đeo tay bằng vàng 24k có hình hoa mai trọng lượng 03 chỉ, một chiếc lắc đeo tay bằng vàng 18k loại trơn trọng lượng 01 chỉ, một dây chuyền vàng 18k có mặt hình phật quan âm bằng vàng trọng lượng 02 chỉ và 21.000.000 đồng tiền mặt.

Sau khi chiếm đoạt số tài sản nói trên, ngày 18 tháng 9 năm 2017, Nguyễn Thị T mang số vàng loại 24k bán tại tiệm vàng Minh Ngọc thuộc phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương được số tiền 19.000.000 đồng. Đối với loại vàng 18k, Nguyễn Thị T mang đến tiệm vàng không rõ địa chỉ tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh bán được số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận An mời Nguyễn Thị T lên làm việc, Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại biên bản định giá và Kết luận định giá tài sản ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An xác định: 01 dây chuyền vàng 24k có mặt hình trái tim trọng lượng 05 chỉ, 01 đôi bông tai bằng vàng 24k có hình hoa mai trọng lượng 02 chỉ, 01 lắc đeo tay bằng vàng 24k có hình hoa mai trọng lượng 03 chỉ, 01 lắc đeo tay bằng vàng 18k loại trơn trọng lượng 01 chỉ, 01 dây chuyền vàng 18k có mặt hình phật quan âm bằng vàng trọng lượng 02 chỉ có giá trị 41.900.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 cái áo khoác dài tay màu hồng; 01 quần màu hồng lưng thun; 01 khẩu trang y tế màu xanh; 01 một nón bảo hiểm màu tím có dòng chữ Quatest No; 01 chiếc kim kim loại có tay cầm bọc nhựa.

Bản cáo trạng số 102/CT-VKS-TA ngày 22/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố.

Bị hại bà Nguyễn Thị Thúy D không có yêu cầu bồi thường nào khác và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị T.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 41; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 02 (hai) năm tù đến 2 (hai) năm 3 (ba) tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự theo quy định pháp luật.

Người bào chữa trình bày: Thống nhất quan điểm với Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và điều khoản áp dụng. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là do muốn có tiền để trả nợ nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mồ côi mẹ từ nhỏ, cha của bị cáo không có điều kiện giáo dục bị cáo nên bản thân bị cáo từ nhỏ đã nghỉ học và lao động kiếm sống dẫn đến việc nhận thức kém về pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt dưới 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 17 tháng 9 năm 2017, tại địa chỉ số 288/2 khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Thị T đã lén lút chiếm đoạt 01 dây chuyền vàng 24k có mặt hình trái tim trọng lượng 05 chỉ, 01 đôi bông tai bằng vàng 24k có hình hoa mai trọng lượng 02 chỉ, 01 lắc đeo tay bằng vàng 24k có hình hoa mai trọng lượng 03 chỉ, 01 lắc đeo tay bằng vàng 18k loại trơn trọng lượng 01 chỉ, 01 dây chuyền vàng 18k có mặt hình phật quan âm bằng vàng trọng lượng 02 chỉ có giá trị 41.900.000 đồng và 21.000.000 đồng tiền mặt.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 62.900.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Võ Thành T do bị cáo Nguyễn Thị T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã

Thuận An truy tố bị cáo Nguyễn Thị T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

+ Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự;

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, khi bị cáo Nguyễn Thị T thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Do vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đề nghị áp dụng Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là phù hợp.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Thị T có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không nguy hiểm cho xã hội hoặc gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do vậy, cần cho bị cáo Nguyễn Thị T được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo Nguyễn Thị T được hưởng án treo theo Điều 60 Bộ luật Hình sự cũng đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với Nguyễn Thị T là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Chấp nhận một phần lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và điều khoản áp dụng, hoàn cảnh, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo. Không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và với hình thức cải tạo không giam giữ dưới 18 (mười tám) tháng.

[3]Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cái áo khoác dài tay màu hồng; 01 quần màu hồng lưng thun; 01 khẩu trang y tế màu xanh; 01 một nón bảo hiểm màu tím có dòng chữ Quatest No. Đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị T không liên quan đến việc phạm tội và tại phiên Tòa bị cáo yêu cầu được nhận lại số tài sản này nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 chiếc kim kim loại có tay cầm bọc nhựa là tài sản của bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Võ Thành T. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bà Nguyễn Thị

Thúy D và ông Võ Thành T yêu cầu được nhận lại tài sản nên cần trả lại cho bà Nguyễn Thị Thù D và ông Võ Thành T.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tài sản và tiền mà bị cáo Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Võ Thành T. Bị cáo Nguyễn Thị T đã bồi thường xong, bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Võ Thành T không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với hành vi của Lưu Tấn L vay của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000 đồng, Lưu Tấn L không biết đây là số tiền do bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội mà có, Lưu Tấn L đã giao trả số tiền trên cho bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An không truy cứu trách nhiệm Hình sự đối với Lưu Tấn L là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 41; Điều 60; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Điều 90, Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T về Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

- Giao trả cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) cái áo khoác màu hồng; 01 (một) quần dài bằng vải màu hồng; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh; 01 (một) một nón bảo hiểm màu tím.

- Giao trả cho bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Võ Thành T 01 (một) chiếc kim bằng kim loại.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2018 của Công an thị xã Thuận An)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh Bình Dương
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Công an cùng cấp;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí